

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết ngành công nghiệp nào sau đây có ở trung tâm công nghiệp Rạch Giá?

- A. Chế biến nông sản. B. Hóa chất, phân bón. C. Luyện kim màu. D. Luyện kim đen.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết than được khai thác ở địa điểm nào sau đây?

- A. Hà Tu. B. Tiền Hải. C. Rạng Đông. D. Hồng Ngọc.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đảo nào sau đây có sân bay?

- A. Phú Quý. B. Côn Cỏ. C. Phú Quốc. D. Lý Sơn.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết điểm du lịch nào sau đây có nước khoáng?

- A. Vĩnh Hảo. B. Mũi Né. C. Quy Nhơn. D. Mỹ Khê.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết nhà máy thủy điện Thác Bà thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Lai Châu. B. Tuyên Quang. C. Yên Bái. D. Hòa Bình.

Câu 58: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết tỉnh nào sau đây có nhiều cà phê và chè?

- A. Thanh Hóa. B. Nghệ An. C. Quảng Trị. D. Quảng Bình.

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết cây Bông được trồng nhiều ở tỉnh nào sau đây thuộc Duyên Hải Nam Trung Bộ?

- A. Bình Thuận. B. Ninh Thuận. C. Khánh Hòa. D. Bình Định.

Câu 60: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết sông Tiền chảy qua tỉnh nào sau đây?

- A. Cà Mau. B. Đồng Tháp. C. Kiên Giang. D. Sóc Trăng .

Câu 61: Cho bảng số liệu:

TỈ LỆ SINH, TỈ LỆ TỬ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2019

(Đơn vị: ‰)

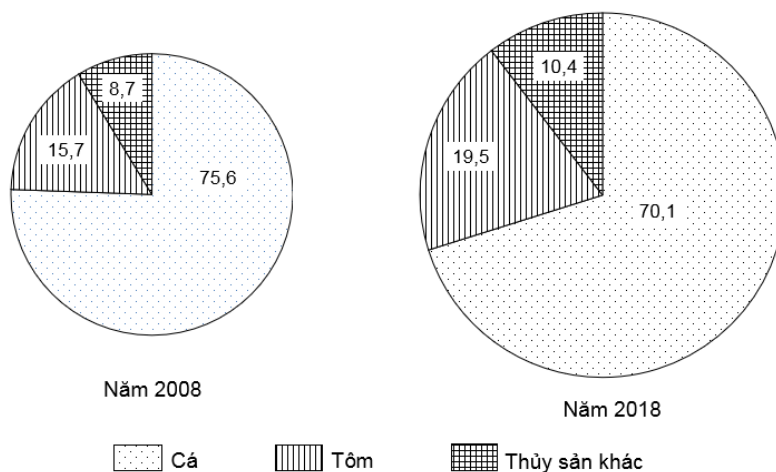
| Quốc gia | Bru-nây | Mi-an-ma | Cam-pu-chia | Phi-lip-pin |
|------------|---------|----------|-------------|-------------|
| Tỉ lệ sinh | 15 | 18 | 23 | 21 |
| Tỉ lệ tử | 4 | 8 | 6 | 6 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Theo bảng số liệu, cho biết quốc gia nào có tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên thấp nhất?

- A. Bru-nây. B. Mi-an-ma. C. Cam-pu-chia. D. Phi-lip-pin.

Câu 62: Cho biểu đồ sau:



CƠ CẤU SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NUÔI TRỒNG CỦA VIỆT NAM (%)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta năm 2018 so với năm 2008?

- A. Cá tăng, tôm giảm, thủy sản khác giảm.
- B. Cá giảm, tôm giảm, thủy sản khác tăng.
- C. Cá tăng, tôm và thủy sản khác tăng.
- D. Cá giảm, tôm và thủy sản khác tăng.

Câu 63: Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến nên

- A. thường xuyên có gió Tín Phong.
- B. có gió mùa hoạt động liên tục.
- C. lượng mưa cao đều quanh năm.
- D. Mặt Trời luôn ở thiên đỉnh.

Câu 64: Dân cư nước ta hiện nay

- A. tập trung chủ yếu ở các đô thị lớn.
- B. có mật độ rất cao ở vùng đồi núi.
- C. phân bố không đều và chưa hợp lí.
- D. phân bố đồng đều giữa các đô thị.

Câu 65: Quá trình đô thị hóa của nước ta hiện nay

- A. tỉ lệ dân thành thị ổn định.
- B. chuyển biến khá tích cực.
- C. phân bố đô thị đồng đều.
- D. trình độ đô thị hóa rất cao.

Câu 66: Cơ cấu kinh tế của nước ta hiện nay

- A. có nhiều thành phần khác nhau.
- B. chưa chuyển dịch ở các khu vực.
- C. có tốc độ chuyển dịch rất nhanh.
- D. chưa phân hóa theo không gian.

Câu 67: Cây công nghiệp lâu năm của nước ta hiện nay

- A. chủ yếu có nguồn gốc cận nhiệt.
- B. phân bố chủ yếu ở vùng đồi núi.
- C. chỉ phục vụ nhu cầu xuất khẩu.
- D. không có sự thay đổi về diện tích.

Câu 68: Hoạt động nuôi trồng thủy sản của nước ta hiện nay

- A. chịu sự chi phối của nhân tố thị trường.
- B. chưa đa dạng về đối tượng nuôi trồng.
- C. sản lượng nuôi trồng ngày càng giảm.
- D. các vùng nước ngọt chủ yếu nuôi tôm.

Câu 69: Giao thông vận tải đường biển nước ta

- A. tập trung cho vận chuyển hành khách.
- B. gắn liền với hoạt động ngoại thương.
- C. có khối lượng hàng hóa luân chuyển ít.
- D. chưa có các cảng nước sâu qui mô lớn.

Câu 70: Một vùng biển bị ô nhiễm sẽ gây thiệt hại cho cả vùng bờ biển, cho các vùng nước và đảo xung quanh vì

- A. chưa có giải pháp xử lí ô nhiễm môi trường.
- B. môi trường biển là không thể chia cắt được.
- C. thiếu lực lượng nhân công để xử lí ô nhiễm.
- D. môi trường biển có sự biệt lập nhất định.

Câu 71: Kim ngạch nhập khẩu của nước ta hiện nay tăng lên khá nhanh chủ yếu do

- A. nhu cầu tiêu dùng của người dân cao.
- B. quá trình đô thị hóa được đẩy mạnh.
- C. sự phục hồi và phát triển của sản xuất.
- D. có nhiều thành phần kinh tế tham gia.

Câu 72: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. phát huy thế mạnh, nâng cao hiệu quả kinh tế.
- B. tạo ra việc làm, tăng cường chuyên môn hóa.
- C. cung cấp các sản phẩm giá trị cho xuất khẩu.
- D. giảm tác hại của thiên tai và biến đổi khí hậu.

Câu 73: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển giao thông vận tải ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. phát huy thế mạnh, thúc đẩy ngành du lịch.
- B. tăng vai trò trung chuyển, đẩy mạnh xuất khẩu.

- C. thúc đẩy phát triển kinh tế, phục vụ đi lại.
- D. góp phần phân bố lại dân cư và nguồn lao động.

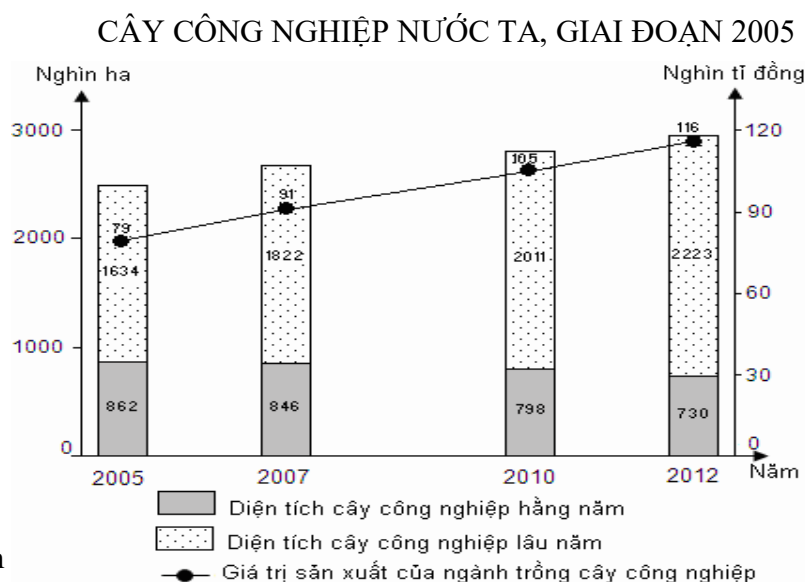
Câu 74: Thế mạnh chủ yếu để hình thành vùng chuyên canh qui mô lớn ở Tây Nguyên là có

- A. đất ba dan màu mỡ, tầng phong hóa sâu.
- B. nhiều cao nguyên cao, khí hậu mát mẻ.
- C. các mặt bằng rộng, đất phân bố tập trung.
- D. khí hậu cận xích đạo, phân hóa đa dạng.

Câu 75: Mục đích chủ yếu của việc sử dụng hợp lí, cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển bền vững.
- B. tăng nhanh sản lượng lương thực, thực phẩm.
- C. khai thác thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên.
- D. bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường.

Câu 76: Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ thể hiện

- A. Thay đổi cơ cấu diện tích cây công nghiệp.
- B. Tình hình hình phát triển cây công nghiệp.
- C. Tốc độ tăng trưởng diện tích cây công nghiệp.
- D. Quy mô và cơ cấu giá trị sản xuất cây công nghiệp.

Câu 77: Mùa mưa ở Duyên hải miền Trung đến muộn là do tác động chủ yếu của

- A. gió phơn Tây Nam hoạt động mạnh và lãnh thổ hẹp ngang.
- B. hoàn lưu khí quyển và hướng địa hình của dãy Trường Sơn.
- C. gió tây nam vượt núi gây thời tiết khô nóng vào đầu mùa hạ.
- D. Tín phong Bắc bán cầu qua biển gây mưa lớn vào thu đông.

Câu 78: Giải pháp chủ yếu để đẩy mạnh sản xuất cây ăn quả ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. thay đổi cơ cấu cây trồng, hình thành các vùng chuyên canh.
- B. đào tạo và hỗ trợ việc làm, hạn chế tình trạng du canh du cư.
- C. tập trung đầu tư, phát triển việc chế biến, mở rộng thị trường.
- D. tăng cường phát triển cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kĩ thuật.

Câu 79: Thuận lợi chủ yếu để phát triển công nghiệp ở Bắc Trung Bộ là

- A. giàu tài nguyên khoáng sản, giao thông vận tải khá phát triển.
- B. có các cảng biển, nguyên liệu khá dồi dào, thu hút vốn đầu tư.
- C. nguồn lao động đông và rẻ, thị trường tiêu thụ được mở rộng.
- D. dân số đông, có nhiều khu công nghiệp, trung tâm công nghiệp.

Câu 80: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN VÀ GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 -2015.

| Năm | Tổng sản lượng (nghìn tấn) | Sản lượng nuôi trồng (nghìn tấn) | Giá trị xuất khẩu (triệu đô la Mỹ) |
|------|-------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------|
| 2010 | 5 143 | 2 728 | 5 017 |
| 2013 | 6 020 | 3 216 | 6 693 |
| 2014 | 6 333 | 3 413 | 7 825 |
| 2015 | 6 582 | 3 532 | 6 569 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sản lượng và giá trị xuất khẩu thủy sản của nước ta, giai đoạn 2010 -2015 dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Đường.
- B. Miền.
- C. Kết hợp.
- D. Cột.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

Ma trận đề thi tham khảo năm 2021 môn Địa lí của Bộ Giáo dục và Đào tạo

| Chuyên đề | | Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao | TỔNG |
|-----------------------|---------------|-----------|-------------|-------------|--------------|------------|
| Địa lí 11 2 câu | Lí thuyết | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | Biểu đồ | | 1 | 0 | | 1 |
| | Bảng số liệu | | 1 | 0 | | 1 |
| Địa lí 12 38câu | Tự nhiên | 2 | 1 | 0 | 1 | 4 |
| | Dân cư | 0 | 2 | 0 | 0 | 2 |
| | Ngành kinh tế | 2 | 4 | 1 | | 7 |
| | Vùng kinh tế | 1 | 1 | 4 | 2 | 8 |
| | Atlas | 15 | 0 | 0 | 0 | 15 |
| | Biểu đồ | | | 1 | | 1 |
| | Bảng số liệu | | | | 1 | 1 |
| Số câu | | 20 | 10 | 6 | 4 | 40 |
| Tỉ lệ (%) | | 50 | 25,0 | 15,0 | 10 | 100 |

B. Hướng dẫn giải đề tham khảo số 38

| | | | | | | | | | | |
|------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| Câu | 41 | 42 | 43 | 44 | 45 | 46 | 47 | 48 | 49 | 50 |
| Đáp án | C | B | B | D | A | B | C | D | D | A |
| Câu | 51 | 52 | 53 | 54 | 55 | 56 | 57 | 58 | 59 | 60 |
| Đáp án | B | D | A | A | C | A | C | B | B | B |
| Câu | 61 | 62 | 63 | 64 | 65 | 66 | 67 | 68 | 69 | 70 |
| Đáp án | B | D | A | C | B | A | B | A | B | B |
| Câu | 71 | 72 | 73 | 74 | 75 | 76 | 77 | 78 | 79 | 80 |
| Đáp án | C | A | C | C | A | B | B | C | B | C |

* **Gợi ý trả lời chi tiết:**

Câu 41. (Nhận biết) Biện pháp mở rộng diện tích rừng đặc dụng ở nước ta là lập khu bảo tồn. Đáp án: C.

Câu 42. (Nhận biết) Giải pháp để giảm thiệt hại do lũ quét gây ra ở nước ta là phát triển vốn rừng. Đáp án: B.

Câu 43. (Nhận biết) Ngành công nghiệp của nước ta hiện nay phân bố không đều. Đáp án: B.

Câu 44. (Nhận biết) Tiềm năng than đá nước ta tập trung chủ yếu ở vùng Đông Bắc. Đáp án: D.

Câu 45. (Nhận biết) Vùng ven biển ở Đông Nam Bộ có nhiều thuận lợi để phát triển du lịch.

Đáp án: A.

Câu 46. (Nhận biết) Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, tỉnh Hà Nam có diện tích nhỏ nhất trong các tỉnh. Đáp án: B.

Câu 47. (Nhận biết) Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, địa điểm có nhiệt độ trung bình lớn nhất tháng 1 là T.P Hồ Chí Minh.. Đáp án: A.

- Câu 48. (Nhận biết)** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hồ Cẩm Sơn thuộc hệ thống sông Thái Bình. Đáp án: D.
- Câu 49. (Nhận biết)** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, núi Langbiang nằm trên cao nguyên Lâm Viên. Đáp án: D.
- Câu 50. (Nhận biết)** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, tỉnh có mật độ dân số thấp nhất trong các tỉnh sau đây là Lai Châu. Đáp án: A.
- Câu 51. (Nhận biết)** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, tỉnh Cao Bằng có khu kinh tế cửa khẩu. Đáp án: D.
- Câu 52. (Nhận biết)** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, tỉnh Hà Giang có số lượng trâu lớn hơn bò. Đáp án: D.
- Câu 53. (Nhận biết)** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, ngành công nghiệp có ở trung tâm công nghiệp Rạch Giá là chế biến nông sản. Đáp án: A.
- Câu 54. (Nhận biết)** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, than được khai thác ở địa điểm Hà Tu. Đáp án: A.
- Câu 55. (Nhận biết)** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, đảo Phú Quốc có sân bay. Đáp án: C.
- Câu 56. (Nhận biết)** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, điểm du lịch có nước khoáng Vĩnh Hảo. Đáp án: A.
- Câu 57. (Nhận biết)** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, nhà máy thủy điện Thác Bà thuộc tỉnh Yên Bái. Đáp án: C.
- Câu 58. (Nhận biết)** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, tỉnh có nhiều cà phê và chè là Nghệ An. Đáp án: C.
- Câu 59. (Nhận biết)** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cây Bông được trồng nhiều ở tỉnh Bình Thuận thuộc Duyên Hải Nam Trung Bộ. Đáp án: A.
- Câu 60. (Nhận biết)** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, biết sông Tiền chảy qua tỉnh Đồng Tháp. Đáp án: B.

Câu 61. (Thông hiểu)

Tỉ lệ gttn = tỉ lệ sinh – tỉ lệ tử / 10

TỈ LỆ GIA TĂNG DÂN SỐ TỰ NHIÊN CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2019

(Đơn vị: ‰)

| Quốc gia | Bru-nây | Mi-an-ma | Cam-pu-chia | Phi-lip-pin |
|-------------------------|---------|----------|-------------|-------------|
| Tỉ lệ gia tăng tự nhiên | 1,1 | 1,0 | 1,7 | 1,5 |

Đáp án B.

Câu 62. (Thông hiểu) . Đáp án: D.

Câu 63. (Thông hiểu) Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến nên thường xuyên có gió Tín Phong. Đáp án: A.

Câu 64. (Thông hiểu) Dân cư nước ta hiện nay phân bố không đều và chưa hợp lí. Đáp án: C.

Câu 65. (Thông hiểu) Quá trình đô thị hóa của nước ta hiện nay có sự chuyển biến khá tích cực.

. Đáp án: B.

Câu 66. (Thông hiểu). Cơ cấu kinh tế của nước ta hiện nay có nhiều thành phần khác nhau. Đáp án: A.

Câu 67. (Thông hiểu) Cây công nghiệp lâu năm của nước ta hiện nay phân bố chủ yếu ở vùng đồi núi.

. Đáp án: B.

- Câu 68. (Thông hiểu)** Hoạt động nuôi trồng thủy sản của nước ta hiện nay rất phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường. Đáp án: A.
- Câu 69. (Thông hiểu)** Giao thông vận tải đường biển nước ta gắn liền với hoạt động ngoại thương. Đáp án: B.
- Câu 70. (Thông hiểu)** Môi trường biển là không thể chia cắt được nên một vùng biển bị ô nhiễm sẽ gây thiệt hại cho cả vùng bờ biển, cho các vùng nước và đảo xung quanh. Đáp án: B.
- Câu 71. (VD)** Kim ngạch nhập khẩu của nước ta hiện nay tăng lên khá nhanh chủ yếu do sự phục hồi và phát triển của sản xuất. Đáp án: C.
- Câu 72. (VD)** ĐB sông Hồng là vùng trọng điểm lương thực thực phẩm lớn thứ 2 cả nước. Việc chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng nhằm phát huy thế mạnh của vùng, nâng cao hiệu quả kinh tế. Đáp án: A.
- Câu 73. (VD)** Việc phát triển giao thông vận tải ở Duyên hải Nam Trung Bộ là Tạo thế mở cửa hơn nữa cho vùng, thúc đẩy sự phân công lao động theo lãnh thổ =>thúc đẩy phát triển kinh tế của vùng. Đáp án: C.
- Câu 74. (VD)** Tây Nguyên hình thành vùng chuyên canh qui mô lớn là có đất ba dan phân bố trên các mặt bằng rộng, phân bố tập trung. Đáp án: C.
- Câu 75. (VD)** Mục đích chủ yếu của việc sử dụng hợp lí, cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long là gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển bền vững. => giải pháp đầy đủ nhất. Đáp án: A.
- Câu 76. (VD)** Biểu đồ kết hợp thể hiện tình hình phát triển cây công nghiệp. Đáp án: B.
- Câu 77. (VDC)** Mùa mưa ở Duyên hải miền Trung diễn ra vào thời kì thu đông là do tác động chủ yếu của các hoàn lưu khí quyển và hướng địa hình của dãy Trường Sơn. Đáp án: B.
- Câu 78. (VDC)** TDMNBB có nhiều thế mạnh để phát triển cây ăn quả có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới. Tuy nhiên, mới chỉ bước đầu trồng cây ăn quả tập trung, còn khó khăn về chế biến, thị trường tiêu thụ. Giải pháp chủ yếu để đẩy mạnh sản xuất cây ăn quả ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là tập trung đầu tư, phát triển việc chế biến, mở rộng thị trường. Đáp án: C.
- Câu 79. (VDC)** Thuận lợi chủ yếu để phát triển công nghiệp ở Bắc Trung Bộ là có các cảng biển, nguyên liệu khá dồi dào (khoáng sản, nông lâm thủy sản), thu hút vốn đầu tư. Đáp án: C.
- Câu 80. (VDC)** Biểu đồ kết hợp thể hiện sản lượng và giá trị xuất khẩu thủy sản (4 năm, 2 đơn vị khác nhau). Đáp án: C.